

Bản án số: 67/2018/DS-ST

Ngày: 28/11/2018

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Châu

2. Ông Cao Trọng Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị B**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: C2-26, đường CVL, Phường VL, Thành Phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1953, theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2018 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Cao Thanh T** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 458A, đường LQK, Phường AH, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: C2-26, đường CVL, Phường VL, Thành Phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

bà Ngô Thị B đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Minh V trình bày: Ngày 23/4/2010, vợ ông là bà Ngô Thị B có cho ông Cao Thanh T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, các bên thỏa thuận khi nào bà B cần lấy lại số tiền cho vay thì phải báo trước cho ông T trong thời gian 01 tháng, nguồn tiền cho vay là tài sản chung của ông V và bà B. Từ tháng 5 đến tháng 8/2010, ông T đã đóng lãi cho bà B được 04 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, sau đó thì ngưng không đóng nữa mặc dù bà B đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ. Đến ngày 23/6/2014 thì ông T có viết biên nhận nợ và cam kết đến ngày 23/9/2014 sẽ thanh toán đủ cả nợ gốc và nợ lãi cho bà B. Nhưng từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, ông T vẫn chưa trả nợ cho bà B như đã cam kết, mặc dù bà B đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

Nay ông đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 217.500.000 đồng, ông chỉ yêu cầu ông T trả cho bà B khoản nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – ông Cao Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 217.500.000 đồng; áp dụng Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Ngô Thị B yêu cầu bị đơn – ông Cao Thanh T thanh toán cho bà khoản nợ vay 50.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Ngô Thị B và ông Cao Thanh T là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành Phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn - ông Cao Thanh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Minh V yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn - ông Cao Thanh T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - ông Cao Thanh T.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã cung cấp cho Tòa án là biên nhận thỏa thuận trả nợ lập ngày 23/6/2014 thể hiện những nội dung chính sau: “Khoảng tháng 4/2010, bà B có cho ông T vay số tiền 50.000.000 đồng. Từ tháng 5 đến tháng 8/2010, ông T đã đóng lãi cho bà B được 04 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/6/2014 thì ông T có viết biên nhận nợ và cam kết đến ngày 23/9/2014 sẽ thanh toán đủ cho bà B”. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông T đều không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà B. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định thỏa thuận giữa bà Ngô Thị B và ông Cao Thanh T là hợp đồng vay tài sản, hiện nay ông T còn nợ bà B số tiền 50.000.000 đồng nên cần buộc ông T vẫn phải trả cho bà B toàn bộ số tiền trên là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn – bà Ngô Thị B, buộc bị đơn – ông Cao Thanh T trả cho nguyên đơn – bà Ngô Thị B số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Cao Thanh T phải chịu án phí là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – bà Ngô Thị B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.650.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG theo Biên lai thu số 0003896, ngày 08/3/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Ngô Thị B về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn – ông Cao Thanh T.

2. Buộc bị đơn – ông Cao Thanh T trả cho nguyên đơn – bà Ngô Thị B số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 217.500.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Cao Thanh T phải chịu án phí là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – bà Ngô Thị B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.650.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG theo Biên lai thu số 0003896, ngày 08/3/2018.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Trọng Mãnh Hoàng Minh Châu

Đào Đức Luân

